TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2018/DS-PT Ngày: 25/5/2018	
V/v tranh chấp chia tài sản chung và di sản thừa kế	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chất.

Các thẩm phán: Ông Lại Anh Vân

Bà Lê Thị Thanh Thủy

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Ông Đào Chính Hướng- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2016/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2016 về tranh chấp chia tài sản chung và di sản thừa kế. Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2015/DS-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2018/QĐPT-DS ngày 14/3/2018 và các Quyết định hoãn phiên tòa số ngày 11/4/2018, ngày 10/5/2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1959;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn ĐN, xã TT, huyện GL, tỉnh HD (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ng, Luật sư Công ty luật HN, Đoàn luật sư TP Hà Nội (có mặt)

2. ***Bị đơn***: Ông Phạm Văn Q, sinh 1954;

Địa chỉ cư trú: Thôn ĐN, xã TT, huyện GL, tỉnh HD (có mặt)

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Phạm Thị B, sinh năm 1955; Địa chỉ cư trú: Thôn BT, xã TT, huyện GL, tỉnh HD (có mặt)

- Bà Vũ Thị B1, sinh 1959

Địa chỉ cư trú: Thôn ĐN, xã TT, huyện GL, tỉnh HD (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị L, sinh 1954

Địa chỉ cư trú: Thôn ĐN, xã TT, huyện GL, tỉnh HD (vắng mặt)

- Anh Phạm Văn C, sinh năm 1979 và chị Bùi Thị C1, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: Thôn ĐN, xã TT, huyện GL, tỉnh HD (có mặt anh C, vắng mặt chị C1)

- Ủy ban nhân dân huyện GL

Địa chỉ: Thị trấn GL, huyện GL, tỉnh HD.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn K1, phó trưởng phòng TN&MT huyện Gia Lộc là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban ND huyện GL, theo giấy ủy quyền số 02/UQ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2015 (vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân xã TT, huyện GL

Địa chỉ: Thị trấn TT, huyện GL, tỉnh HD.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh C2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TT, huyện GL (vắng mặt)

4. **Người kháng cáo:** Ông Phạm Văn K là Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Phạm Văn K trình bày: Bố mẹ ông là cụ Phạm Văn B2 và cụ Phạm Thị H sinh được 3 người con là ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị B và ông. Cụ B2 mất ngày 13/11/1972, cụ H mất ngày 24/11/2012 đều không để lại di chúc. Cụ H có 1 người con riêng là ông Nguyễn Hữu T (ông T mất ngày 10/5/2016).

Cụ B2 và cụ H có diện tích đất 491m2 tại thôn ĐN, xã TT, GL, tỉnh HD. Năm 1980 thực hiện Chỉ thị 299, ông Q tự đứng ra kê khai, thể hiện trên sổ mục kê và bản đồ địa chính lập năm 1982 tại thửa 179, tờ bản đồ số 8 mang tên ông Q . Năm 1990 ông Q tách ra làm 2 thửa và đề nghị cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), thửa số 118 diện tích 266m2 mang tên ông Q , thửa số 117 diện tích 225m2 mang tên ông, đều thuộc tờ bản đố số 1 xã TT. Ngày 14/12/1993 Ủy ban nhân dân tỉnh HH (UBND) cấp giấy CNQSDĐ cho ông và ông Q . Việc tách đất và đề nghị cấp giấy chứng nhận ông K không được biết chỉ đến khi được UBND xã TT giao giấy CNQSDĐ thì ông mới biết. Ông và ông Q quản lý, sử dụng đất từ đó đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do con trai ông Q là anh Phạm Văn C và con dâu chị Bùi Thị C1 xây nhà lấn sang đất nhà ông nên ông làm đơn đề nghị Ủy ban xã TT giải quyết nhưng không thành. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu:

- Chia tài sản chung là phần di sản của cụ B2 trong khối tài sản của cụ B2 và cụ H là ½ diện tích đất ở đã được cấp giấy CNQSDĐ cho ông và ông Q .

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ H là ½ diện tích đất trong khối tài sản chung của cụ B2 và cụ H.

- Hủy 2 giấy CNQSDĐ do UBND tỉnh HH cấp ngày 14/11/1993 và được UBND huyện GL đóng dấu trang 3 ngày 27/9/2001 của ông và ông Q vì đã vi phạm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và vi phạm những quy định của pháp luật về thừa kế.

Bị đơn là ông Phạm Văn Q trình bầy: Sau khi bố ông là cụ B2 chết thì ông lấy vợ và được cụ H cho làm nhà ở góc vườn trên phần đất hiện nay ông đang sử dụng, còn ông K ở với cụ H trong ngôi nhà cũ của bố mẹ trên phần đất hiện nay ông K đang sử dụng. Năm 1990 cụ H tách đất cho ông và ông K để tiện cho việc quản lý, sử dụng. Vợ chồng ông K tự nguyện nhận phần đất phía trong trên có ngôi nhà của bố mẹ và cắt 1 phần đất của ông làm lối đi ra đường làng, còn vợ chồng ông nhận phần đất phía ngoài. Vợ chồng ông đã xây nhà, công trình phụ, tường bao ngăn cách với phần đất nhà ông K và sử dụng ổn định, làm nghĩa vụ thuế đối với nhà nước đầy đủ, từ đó đến nay không có tranh chấp gì. Năm 1993 UBND tỉnh HH cấp giấy CNQSDĐ cho gia đình nhà ông được sử dụng 266m2 đất, gia đình ông K được sử dụng diện tích đất là 225m2. Đến năm 2013 do anh C là con ông làm nhà trên đất, ông K cho rằng làm lấn sang phần đất nhà ông nên phát sinh mâu thuẫn, các bên không hòa giải được dẫn đến ông K làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của cụ B2; chia di sản của cụ H và chia lại đất cho gia đình ông K theo chiều Bắc-Nam; hủy 2 giấy CNQSDĐ của UBND huyện GL đã cấp cho gia đình ông và gia đình ông K. Về yêu cầu khởi kiện ông không nhất trí vì quyền sử dụng đất cụ H và gia đình đã chia cho ông và ông K. Vợ chồng, con cái ông đã sử dụng ổn định từ khi cụ H cho ra ở riêng vào năm 1984 và đã được nhà nước công nhận cấp giấy CNQSDĐ nên ông không đồng ý chia.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bầy:

- Bà Phạm Thị B, ông Nguyễn Hữu T là anh em cùng mẹ khác cha và đều là con của cụ H xác định, diện tích đất của bố mẹ đã cho ông Q và ông K, hai ông đã sử ổn dịnh và xây nhà, công trình phụ trên đất, đây là ý nguyện của cụ H khi còn sống các ông bà không có ý kiến gì đều nhất trí. Nay ông K yêu cầu chia đất của hai cụ, ông T bà B không nhất trí. Tuy nhiên tại phiên tòa bà B có ý kiến nếu phải chia di sản thì bà cũng đề nghị được hưởng.

- Anh Phạm Văn C và Chị Bùi Thị C1 được bố mẹ là ông Q , bà L cho xây dựng nhà, công trình phụ trên đất. Năm 2013 khi anh đang hoàn thiện ngôi nhà xây như hiện nay thì xẩy ra tranh chấp giữa ông K và ông Q . Anh không

nhất trí về việc ông Kđòi chia đất vì diện tích đất này là do cụ H cho bố mẹ anh và gia đình anh ở trên đất ổn định từ mấy chục năm nay và đã được cấp giấy CNQSDĐ, còn ông K đã được cụ H cho diện tích đất liền kề nên ông K không có quyền yêu cầu chia đất, nếu phải chia đất theo pháp luật anh đề nghị ai được sử dụng diện tích đất trên có nhà thì phải thanh toán giá trị nhà và công trình phụ cho vợ chồng anh.

- Người đại diện của Ủy ban nhân dân xã TT và Ủy ban nhân dân huyện GL trình bầy. Nguồn gốc thửa đất là của Cụ B2và cụ H, khi tiến hành đăng ký, kê khai đất đai thời kỳ thực hiện chỉ thị 299, được thể hiện trên sổ Mục kê và bản đồ địa chính năm 1982, tại thửa 179, tờ bản đồ số 8 diện tích là 491m2 mang tên ông Phạm Văn Q. Theo danh sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1990-1991 thì thửa đất được tách ra làm hai. Thửa 117 mang tên ông K, thửa 118 mang tên ông Q , cả hai thửa đều thuộc tờ bản đồ số 1 xã TT, huyện GL. Hai thủa đất trên năm 1993 được UBND tỉnh HH nay là tỉnh HD cấp GCNQSDĐ cho ông K và ông Q , năm 2001 được UBND huyện GL xác nhận tính hợp pháp. Trình tự thủ tục cấp giấy CNQSDĐ đất thực hiện theo đúng quy định của pháp luật thời kỳ đó, các hộ gia đình làm đơn, sau khi đo đạc thì Hội đồng cấp giấy CNQSDĐ của xã xét duyệt và đề nghị UBND tỉnh cấp. Hộ gia đình ông Q và ông K có đơn đề nghị cấp giấy CNQSDĐ, tuy nhiên đơn của ông K không có chữ ký của người làm đơn, đó là do sơ suất của cán bộ chuyên môn về thủ tục hành chính nhưng không ảnh hưởng đến việc cấp giấy chứng nhận. Nay ông K khởi kiện yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông Q và ông K, UBND huyện GL đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Bản án số 08/2015/DS-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc quyết định:

Bác yêu cầu của ông Phạm Văn K về chia tài sản chung của cụ Phạm Văn B2 đối với diện tích 250,5m2.

Tạm giao cho ông Phạm Văn K tiếp tục quản lý, sử dụng 117,5m2 đất đã hết thời hiệu chia thừa kế của cụ B2, trên đất có 1 phần nhà ở và công trình phụ của ông K và bà B1 (vị trí gianh giới theo sơ đồ)

Tạm giao cho ông Phạm Văn Q tiếp tục quản lý, sử dụng 133m2 đất đã hết thời hiệu của cụ Phạm Văn B2, trên đất có nhà ở, công trình phụ, bể nước, sân bê tông của ông Q , bà Nguyễn Thị L và một phần nhà ở của anh Phạm Văn C, chị Bùi Thị C1 (vị trí và gianh giới theo sơ đồ).

Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn K về hủy 2 giấy CNQSDĐ mang tên ông Phạm Văn Q cấp ngày 14//12/1993 được đóng dấu trang 3 ngày 27/9/2001 và mang tên ông Phạm Văn K cấp ngày 14/12/1993 được đóng dấu trang 3 ngày 27/9/2001.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K về chia di sản thừa kế của cụ Phạm Thị H.

Chấp nhận một phần yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B về chia di sản thừa kế của cụ Phạm Thị H.

Xác nhận di sản của cụ H: Đất ở 250,5m2 (trong đó ông Q đang quản lý 133m2 tại tờ bản đồ số 1, thửa 118, trị giá 159.600.000đ; ông K đang quản lý 117,5m2 tại tờ bản đồ số 1, thửa 117, trị giá 94.000.000đ. Hai thửa đất đều có địa chỉ thôn ĐN, xã TT). Tổng giá trị tài sản là 253.600.000đ là giá trị di sản để phân chia cho các đồng thừa kế gồm ông K, ông Q , bà B mỗi thừa kế có kỷ phần bằng nhau có giá trị 84.533.333đ.

Chia cho ông Phạm Văn Q diện tích 133m2 đất ở trị giá 159.600.000đ.

Chia cho ông Phạm Văn K diện tích 117,5m2 đất ở trị giá 94.000.000đ.

Chia cho bà Phạm Thị B kỷ phần bằng tiền là 84.533.333đ. Ông Q có trách nhiệm thanh toán cho bà B số tiền 75.066.667đ. Ông K có trách nhiệm thanh toán cho bà B số tiền 9.466.667đ. Bà B có trách nhiệm trích trả công sức tu tạo, giữ gìn thửa đất cho ông K và ông Q bằng 20% kỷ phần bà được hưởng là 16.906.666đ. Ông K và ông Q mỗi người được hưởng là 8.453.333đ. Đối trừ ông Q có trách nhiệm thanh toán cho bà B số tiền là 66.613.337đ. Ông K có trách nhiệm thanh toán cho bà B số tiền là 1.013.334đ. Tổng bà B được hưởng là 67.626.671đ.

Giá trị tài sản là kỷ phần ông Phạm Văn Q được hưởng + số tiền bà B trích trả công sức tu tạo, giữ gìn thửa đất cho ông Q là: (84.533.333đ + 8.453.333đ) = 92.986.666đ.

Giá trị tài sản là kỷ phần ông Phạm Văn K được hưởng sau khi đã cộng với số tiền bà B trích trả công sức tu tạo, giữ gìn thửa đất cho ông K là: (84.533.333đ + 8.543.333đ) = 92.986.666đ. Ngoài ra bản án còn tuyên gianh giới thửa đất giao cho ông K, ông Q ; tiền lãi chậm trả; trách nhiệm chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/10/2015 ông Phạm Văn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng việc phán quyết của Tòa án là không khách quan, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông K. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án trên, đề

nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại từ đầu vụ án trên để đảm bảo quyền lợi chính đáng của ông và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bầy: Bản án sơ thẩm xác định phần diện tích đất của cụ B2 hết thời hiệu là không đúng, theo Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán tòa án tối cao, thì phần di sản thừa kế của cụ B2 chưa hết thời hiệu và trở thành tài sản chung để chia; giấy CNQSDĐ của ông Q bị sửa chữa về diện tích đất, ông Q không phải là con của cụ B2 những nội dung này cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ; ông K ở phần đất phía trong chỉ có 1 lối đi rất hẹp, sử dụng khó khăn ông đề nghị được chia lại thửa đất theo hướng Bắc - Nam nhưng bản án sơ thẩm không chấp nhận. Ông K trình bầy ông và bà B1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 1985, sau đó vợ chồng cùng cụ H ở tại phần đất phía trong trên có nhà của bố mẹ. Do nhà bị dột lát nên vợ chồng ông làm lại nhà và công trình phụ như hiện nay cùng cụ H ở đó cho đến khi chết, khi cụ H còn sống có bảo sau khi tao chết chúng mày muốn chia thế nào thì chia. Để đảm bảo quyền lợi cho ông K đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy án sơ thẩm.

- Bị đơn là ông Phạm Văn Q trình bầy: Ông và gia đình đã sử dụng thửa đất từ những năm 1980 cho đến nay, ông đã xây dựng nhà, công trình phụ trên đất thành khuôn viên riêng, sống ổn định, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước đầy đủ, ông là người đứng tên trên bản đồ và sổ địa chính từ năm 1982 và thửa đất này đã được cấp giấy CNQSDĐ đất mang tên ông và ông K, cho nên diện tích đất của ông và ông Q không còn là di sản của cụ B2 và cụ H để chia như bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo và đơn khởi kiện của ông K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bầy:

+ Bà Phạm Thị B trình bầy: Bà là con của cụ H và cụ B2, khi cụ B2 chết thì bà cùng cụ H, ông Q và ông K sống trên diện tích đất này. Năm 1976 ông Q lấy vợ sau đó cho vợ chồng ông Q ra ở riêng và ở phần đất vườn như hiện nay, còn cụ H và vợ chồng ông K ở nhà trên phần đất phía trong. Cụ H đã phân chia thửa đất ra làm hai và cho ông Q , ông K ở từ đó cho đến nay, các ông đã xây dựng nhà kiên cố và công trình trên đất. Nay ông K muốn có phần đất giáp đường làng nên nhân việc anh C là con của ông Q xây nhà đã làm đơn yêu cầu chia lại đất. bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông K, đề nghị Tòa án xử không chấp nhận yêu cầu chia đất của ông K.

+ Bà Vũ Thị B1 trình bầy: Bà xây dựng gia đình với ông K từ năm 1985, khi về làm dâu thì vợ chồng bà ở với cụ H trên phần đất phía trong. Do nhà của cụ H xuống cấp nên vợ chồng bà phá đi xây nhà và công trình như hiện nay. Khi cụ H còn sống cụ chưa công bố cho đất ai mà có bảo tao còn sống thì cứ giữ như vậy sau khi chết chúng may muốn chia thế nào thì chia. Bà B1 nhất trí với yêu cầu kháng cáo cũng như yêu cầu khởi kiện của ông K.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn là ông Phạm Văn K trong thời hạn quy định tại điều 273 BLTTDS là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Ủy ban nhân dân xã TT, Ủy ban nhân dân huyện GL vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Bùi Thị C1 vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; bà Nguyễn Thị L vắng nặt nhưng có mặt người đại diện là ông Phạm Văn Q, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điều 296 BLTTDS.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng: Cụ B2 và cụ H sinh được 3 người con chung là ông Q , bà B và ông K, cụ H còn có 1 người con riêng là ông Nguyễn Hữu T. Cụ B2 chết năm 1972, cụ H chết năm 2012, ông T chết ngày 10/5/2016.

[2.1] Thửa đất hiện đang tranh chấp có nguồn gốc là của cụ B2 và cụ H. Về hồ sơ địa chính của thửa đất thì trước năm 1980 không có sổ sách giấy tờ địa chính. Sau năm 1980 khi thực hiện Chỉ thị 299 thì thửa đất được thể hiện trên sổ mục kê và bản đồ địa chính đo vẽ năm 1982 với diện tích 491m2 mang tên ông Q , tại thửa 179 tờ bản đồ số 8 xã TT, huyện GL. Theo bản đồ số 1 can vẽ năm 2000 (vẽ lại theo bản đồ năm 1993) và danh sách các hộ gia đình được cấp giấy CNQSDĐ năm 1990-1991 thì thửa đất trên được tách ra làm 2 thửa, thửa 117 tờ bản đồ số 1 diện tích 225m2 mang tên ông K, thửa 118 tờ bản đồ số 1 diện tích 266 mang tên ông Q . Ngày 14/12/1993 ông K và ông Q được ủy ban nhân dân

tỉnh HH nay là HD cấp giấy CNQSDĐ đối với 2 thửa đất trên. Ngày 27/9/2001 được Ủy ban nhân dân huyện GL kiểm tra tính hợp pháp và xác nhận vào trang 3 của giấy chứng nhận.

[2.2] Quá trình sử dụng đất, sau khi cụ B2 chết thì cụ H và 3 người con là ông Q , bà Bé, ông K cùng cụ X (vợ cụ B2 không có con sau đó chết) ở trên thửa đất này. Năm 1976 ông Q kết hôn với bà L thì cụ H cho vợ chồng ông Q làm nhà ra phần đất vườn trên diện tích đất này để ở riêng. Vợ chồng ông Q đã xây nhà, làm công trình phụ, xây tường bao ngăn phần đất như hiện nay, cả gia đình ông sống và sinh con, đẻ cái trên diện tích đất này từ đó cho đến năm 2013 và nộp thuế cho nhà nước đầy đủ. Ông Q còn cho vợ chồng con trai ông là anh C, chị C1 xây nhà trên phần đất trống từ năm 2004, 2005 và năm 2013 vợ chồng anh C xây nhà 2 tầng như hiện nay thì ông K cho rằng xây lấn sang đất nhà ông nên dẫn đến tranh chấp. Năm 1984 ông K kết hôn với bà B1 và cùng cụ H ở nhà của bố mẹ và trên phần đất phía trong như hiện nay. Để có lối vào phần đất phía trong, cụ H cắt 1 lối đi qua phần đất của ông Q đi ra đường làng. Quá trình ở trên đất Ông K bà B1 phá nhà của cụ H và xây nhà và công trình mới cùng cụ H ở đến khi cụ chết năm 2012. Ông K, ông Q , cụ H sống trên diện tích đất này ổn định, mỗi người một thửa không có tranh chấp. Bà B, ông T và ông Q đều xác nhận khi còn sống cụ H đã phân chia thửa đất ra làm 2 phần để cho ông Q và ông K, bà B và ông Thành đều nhất trí không có ý kiến phản đối gì và đến nay đều có mong muốn giữ ổn định như ý nguyện của cụ H đã phân chia khi còn sống. Tại phiên tòa phúc thẩm, chính ông K và bà B1 cũng khai cụ H có bảo, tao con sống thì cứ như vậy, sau nay tao chết thì chúng may muốn chia thế nào thì chia, cho nên có thể xác định diện tích đất 491m2 khi còn sống cụ H đã phân chia cho ông K và ông Q mỗi người 1 thửa và hai thửa đất này đã được nhà nước công nhận bằng việc cấp giấy CNQSDĐ cho hai ộng

[2.3] Như vậy căn cứ vào hồ sơ địa chính của thửa đất qua các thời kỳ, giấy CNQSDĐ, quá trình sử dụng thửa đất như đã phân tích, lời khai của ông Q , bà B, ông T và lời khai của ông K, bà B1 tại phiên tòa. có đủ cơ sở xác định khi còn sống cụ H và các con đã tự phân chia diện tích đất 491m2 thành hai thửa đất 117 và 118 tờ bản đố số 1 đứng tên ông K và ông Q nên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hai ông, vì vậy hai thửa đất này không còn là di sản của cụ H và cụ B2 để chia như bản án cấp sơ thẩm. Do đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện nên cấp sơ thẩm đưa ra đường lối giải quyết không đúng làm sáo trộn việc sử dụng đất của ông K và ông Q . Kháng cáo của ông K yêu cầu hủy án

sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết lại từ đầu để chia cho ông phần đất có mặt đường làng là không có căn cứ.

[2.4] Từ những phân tích trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng xử không chấp nhận đơn của ông Phạm Văn K

Về án phí: Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nhưng sửa bản án nên không chịu án phí dân sự phúc thẩm. Yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K không được chấp nhận nên ông phải chị án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 điều 308, điều 309 BLTTDS.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạn Văn K. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2015/DS-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K về yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của cụ Phạm Văn B2; chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật của cụ Phạm Thị H; hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ủy ban nhân dân tỉnh HH cấp cho ông Phạm Văn K và ông Phạm Văn Q ngày 14/12/1993 và đã được đóng dấu trang 3 vào ngày 27/9/2001.

Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn K không phải chịu án phí DSPT, hoàn trả số tiền 200.000đ mà ông đã nộp tạm ứng, theo biên lai thu tiền số AA/2014/004997 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

- Án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn K phải chịu 200.000 án phí DSST. Được trừ vào số tiền 1.500.000đ mà ông đã nộp tạm ứng, theo biên lai thu tiền số AA/2001/11552 ngày 8/4/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc. Hoàn trả lại cho ông K số tiền còn thừa là 1.300.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 25/5/2018.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Gia Lộc
- VKSND huyện Gia Lộc
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. Hội Đồng Xét Xử Phúc Thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Chất